| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 37/2020/QĐST-HNGĐ | *Tp. Sóc Trăng, ngày 23 tháng 3 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 21/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc "Công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

**1/.** Người yêu cầu: Ông **Nguyễn Hữu T,** sinh năm 1967

Địa chỉ: Số 853, đường THĐ, khóm M, phường N, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**2/.** Người yêu cầu: Bà **Vũ Lan P**, sinh năm 1988

Hộ khẩu thường trú: Số 853, đường THĐ, khóm M, phường N, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ hiện nay: Số 262, đường PH, khóm B, phường T, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Lan P và ông Nguyễn Hữu T tự nguyện sống chung có tổ chức lễ cưới vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 21/7/2015. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường hay cãi vã không thể hòa giải được, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Ông T và bà P không còn sống chung như vợ chồng

từ tháng 11/2019 đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà P đã đến mức trầm trọng, vợ chồng đã không còn chung sống, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Hữu T và bà Vũ Lan P.

[2]. Về con chung: Bà Vũ Lan P và ông Nguyễn Hữu T thỏa thuận sau khi ly hôn, con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 07/10/2012 sẽ do bà Vũ Lan P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi con cho cháu T mỗi tháng 7.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi. Xét thấy, việc thoả thuận người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của ông, bà phù hợp với pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các bên và phù hợp với Điều 81, 82 của Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Hữu T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Nguyễn Hữu T không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu.

[4]. Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Bà Vũ Lan P đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng. Ông Nguyễn Hữu T đồng ý chịu lệ  phí ly hôn là 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Lan P, sinh năm 1988 và ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1967 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Vũ Lan P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Hữu T, sinh ngày 07/10/2012. Ông Nguyễn Hữu T cấp dưỡng nuôi con cho cháu T mỗi tháng

7.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng từ tháng 3 năm 2020 cho đến khi cháu T tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Hữu T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung là cháu Nguyễn Hữu T không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Vũ Lan P và ông Nguyễn Hữu T trình bày: Tự thỏa thuận, nên không yêu cầu.

- Về nợ chung: Bà Vũ Lan P và ông Nguyễn Hữu T trình bày: không có, nên không yêu cầu.

- Về lệ phí Tòa án: Bà Vũ Lan P đồng ý chịu lệ phí ly hôn là 150.000 đồng. Ông Nguyễn Hữu T đồng ý chịu lệ  phí ly hôn là 150.000 đồng. Sau khi khấu trừ số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng bà P đã nộp theo biên lai thu số 0001679 và số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng ông T đã nộp theo biên lai thu số 0001680 cùng ngày 13/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng. Bà P và ông T đã nộp xong lệ phí sơ thẩm.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo t hủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận***:
- Các đương sự;
- VKSND-TPST;
- Chi cục THADS-TPST;
- Tòa án nhân dân TST;
- UBND phường 10, TPST;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**
Đã ký

**Lý Bích Khiếm**